

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 321/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17-12-2019
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái
pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lên.
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2019 về việc “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo quyết định đưa vụ án xét xử số 418/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh

2. Anh **Lê Trí N**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Huỳnh Chí C**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc C trình bày: Năm 2012 chị Nguyễn Ngọc C và anh Huỳnh Chí C làm chung công ty, sau đó quen nhau. Khi anh C vào làm ở công ty thì anh C tên là N, sau này mới biết tên thật là Huỳnh Chí C. Do anh C chưa đủ tuổi nên anh C mượn giấy chứng minh nhân dân của người tên Lê Trí N để vào làm trong công ty. Năm 2013 chị Nguyễn Ngọc C và anh Huỳnh Chí C thành hôn với nhau. Có tổ chức đám nhưng không đăng ký kết hôn, do anh C chưa đủ tuổi. Trong năm 2013 chị C sinh con, để chị C được hưởng chế độ thai sản nên anh C sử dụng giấy chứng minh nhân dân của anh Lê Trí N để đi đăng ký kết hôn với chị C. Anh C và chị C

trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để đăng ký kết hôn. Trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tên cha là Lê Trí N, tên mẹ Nguyễn Ngọc C. Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/2013 ngày 01 tháng 7 năm 2013 đúng là giấy chứng nhận kết hôn anh C và chị C đi đăng ký và anh C ký tên N và viết tên Lê Trí N. Chị C xác định chị và anh Lê Trí N không có quen biết nhau, không có chung sống với nhau, không có con chung. Thực tế từ ngày thành hôn với anh C đến nay chị C và anh C vẫn chung sống với nhau và có 01 con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày 20/12/2013 (Huỳnh Thị Thúy A, sinh ngày 20/12/2013) là con chung của chị C và anh C. Lý do chị và anh C đi đăng ký kết hôn và giấy khai sinh tên Lê Trí N để chị C được hưởng chế độ thai sản. Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 24/7/2019 chị C trình bày chị và anh Lê Trí N kết hôn năm 2013 có chung sống với nhau, có 01 con chung là không đúng. Tại phiên tòa chị C thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, chị C xác định kết hôn giữa chị C và anh Lê Trí N là hôn nhân giả tạo nên chị C yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn giả tạo giữa chị C với anh N. Tại phiên tòa chị Nguyễn Ngọc C xác định chị và anh N không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06 tháng 11 năm 2019 bị đơn anh Lê Trí N trình bày:

Trước đây anh Lê Trí N có đánh rơi giấy chứng minh nhân dân, sau đó anh N đã được cấp lại giấy chứng minh nhân dân. Khoảng 01 tháng nay anh N có nhận được thông báo của Tòa án về việc chị Nguyễn Ngọc C yêu cầu ly hôn với anh N. Nội dung trong đơn khởi kiện xin ly hôn chị C nêu là không đúng. Anh N và chị C không quen biết nhau, chưa gặp chị C lần nào, không có chung sống với nhau, không có con chung. Không hiểu tại sao anh N và chị C có giấy đăng ký kết hôn với nhau và giấy khai sinh tên cha Lê Trí N, tên mẹ Nguyễn Ngọc C, tên con Lê Ngọc N sinh ngày 20/12/2013. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh, anh N yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Chí C trình bày:

Anh C thống nhất nội dung trình bày của chị Nguyễn Ngọc C là đúng.

Năm 2013 anh Huỳnh Chí C kết hôn với chị Nguyễn Ngọc C có tổ chức đám nhưng không đăng ký kết hôn do anh C chưa đủ tuổi. Trong năm 2013 chị C sinh con, để chị C được hưởng chế độ thai sản nên anh C sử dụng giấy chứng minh nhân dân của anh Lê Trí N để đi đăng ký kết hôn. Anh C và chị C trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để đăng ký kết hôn. Trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tên cha là Lê Trí N, tên mẹ Nguyễn Ngọc C, anh N không có đi đăng ký kết hôn với chị C và không biết việc anh C và chị C đi đăng ký kết hôn lấy tên anh N. Anh C xác định lý do anh mượn giấy chứng minh nhân dân của anh Lê Trí N là để xin vào công ty làm, lý do đi đăng ký kết hôn và làm giấy khai sinh tên Lê Trí N để chị C được hưởng chế độ thai sản. Anh C xác định về mặt pháp lý anh Lê Trí N đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Ngọc C nhưng thực tế chị C và anh N không chung sống với nhau, không quen biết nhau và không có con chung nên anh C không yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Vụ án từ khi thụ lý đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị căn cứ Điều 5, Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Ngọc C với anh Lê Trí N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Trí N có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc C khởi kiện yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Ngọc C với anh Lê Trí N nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc C: Tại phiên tòa chị C xác định chị và anh Lê Trí N không có quen biết nhau, không có chung sống với nhau, không có con chung. Thực tế từ ngày thành hôn với anh C đến nay chị C và anh C vẫn chung sống với nhau. Lý do chị C và anh C đi đăng ký kết hôn khai tên Lê Trí N để chị C được hưởng chế độ thai sản. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06 tháng 11 năm 2019 anh Lê Trí N xác định anh N và chị C không quen biết nhau, chưa gặp chị C lần nào, anh và chị C không có chung sống với nhau, không có con chung. Tại phiên tòa anh Huỳnh Chí C trình bày trước đây do chưa đủ tuổi nên anh C mượn giấy chứng minh nhân dân của anh N để được xin vào công ty làm. Năm 2013 anh Huỳnh Chí C thành hôn với chị Nguyễn Ngọc C nhưng không có đăng ký kết hôn do anh C chưa đủ tuổi. Trong năm 2013 chị C sinh con, để chị C được hưởng chế độ thai sản nên anh C sử dụng giấy chứng minh nhân dân của anh Lê Trí N để anh C đi đăng ký kết hôn lấy tên anh Lê Trí N. Anh C xác định về mặt pháp lý anh Lê Trí N đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Ngọc C nhưng thực tế chị C và anh N không chung sống với nhau, không quen biết nhau và không có con chung. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc kết hôn giữa chị C và anh N được xác định là kết hôn giả tạo, kết hôn nhằm mục đích để hưởng chế độ ưu đãi của nhà nước. Cụ thể là để chị C được hưởng chế độ thai sản. Chị C yêu cầu Tòa hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Ngọc C với anh Lê Trí N là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Xét đối với con chung, tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa chị C xác định chị và anh N không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Ngọc C với anh Lê Trí N.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị Nguyễn Ngọc C phải chịu 300.000 đồng. Chị C có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003490 ngày 30/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử công khai nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Minh Luân